

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 179/2026/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 7 – 2026

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Nhi.

Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2875/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Thu P, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 096176000955 cấp ngày 23/4/2021 (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Ngô Thái S, sinh năm 1975. Căn cước công dân số 095075000455 cấp ngày 25/4/2021 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường N, khóm B (nay là khóm E), phường A, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Huỳnh Thị Thu P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Thái Sơn S1 chung vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/1999 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố C (nay là phường A), tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã và đã ly thân 04 năm. Chị xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh S.

Về con chung: Chị xác định có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 21/7/2003; Ngô Huỳnh Vân T, sinh ngày 21/7/2007, hiện con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Tại văn bản ý kiến, anh Ngô Thái S trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Thu P sống chung với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố C (nay là phường A), tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn trong giao tiếp, khác biệt về tính cách, quan điểm sống. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 21/7/2003; Ngô Huỳnh Vân T, sinh ngày 21/7/2007, hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Thái S có nộp Văn bản ý kiến và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu P và anh Ngô Thái S chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố C (nay là phường A), tỉnh Cà Mau vào ngày 30/12/1999 tại số D, quyển số 01/99 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Quá trình chung sống theo chị P trình bày thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã và đã ly thân 04 năm. Nay chị xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh S. Đối với anh S cũng thống nhất yêu cầu chị P, đồng ý ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, cho anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị P, anh S xác định có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 21/7/2003; Ngô Huỳnh Vân T, sinh ngày 21/7/2007, hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh S, chị P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thu P, cho chị Huỳnh Thị Thu P được ly hôn với anh Ngô Thái S.

- Về con chung: Chị P, anh S xác định có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 21/7/2003; Ngô Huỳnh Vân T, sinh ngày 21/7/2007, hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Huỳnh Thị Thu P phải chịu 300.000đ. Ngày 12 tháng 5 năm 2026, chị P đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0005879 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thu